

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 06-12-2018

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Lý Phòl Ly

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Hoàng Thân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành: Bà Danh Nguyễn Thúy Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Giang Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người phiên dịch: Ông Danh Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Hà Văn H trình bày được người phiên dịch dịch lại:

Ông H và bà Thị T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống như vợ chồng vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống hạnh phúc với nhau nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống

không phù hợp, từ tháng 11/2016 đến nay thì ông, bà đã ly thân đến nay. Quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung tên Hà Kim L, sinh ngày 26/7/1998, giới tính nữ.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Thị T.
- Về quan hệ con chung: Do con chung tên Hà Kim L đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Vợ chồng ông, bà tự nguyện thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Vợ chồng ông, bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thị T trình bày:

Bà Thị T hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Hà Văn H về thời gian chung sống; tình trạng hôn nhân là không có đăng ký kết hôn và quá trình chung sống có 01 con chung. Bà có ý kiến sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị T thống nhất ly hôn với ông Hà Văn H.
- Về quan hệ con chung: Do con chung tên Hà Kim L đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà và ông H đã tự nguyện thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đặt các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án.

Về đường lối xét xử, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận Ông Hà Văn H và bà Thị T là vợ chồng.

Án phí: Nguyên đơn Ông Hà Văn H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

Ông Hà Văn H nộp đơn xin ly hôn với bà Thị T được Tòa án thụ lý ngày 06/4/2018 thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Luật này được áp dụng để giải quyết các quan hệ hôn nhân. Mặt khác, ông H khởi kiện xin ly hôn bà T có địa chỉ tại ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành theo các

Điều 26 và Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, chị Kiều và anh Dương đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo là vi phạm những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể như sau:

Theo khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Theo Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Như vậy, việc chung sống của ông H và bà T do không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng và không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống ông H và bà T thừa nhận có 01 con chung tên Hà Kim L, sinh ngày 26/7/1998, giới tính nữ đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và các bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do ông H và bà T đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì thế Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do ông H và bà T cho rằng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì thế HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hà Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Hà Văn H và bà Thị T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ông H và bà T không yêu cầu vì con chung tên Hà Kim L đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do ông H và bà T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn Ông Hà văn H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chi đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004661 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành. Ông H không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2018);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- CC THA DS huyện Giang Thành;
- UBND xã Vĩnh Điều;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Hồng Phong